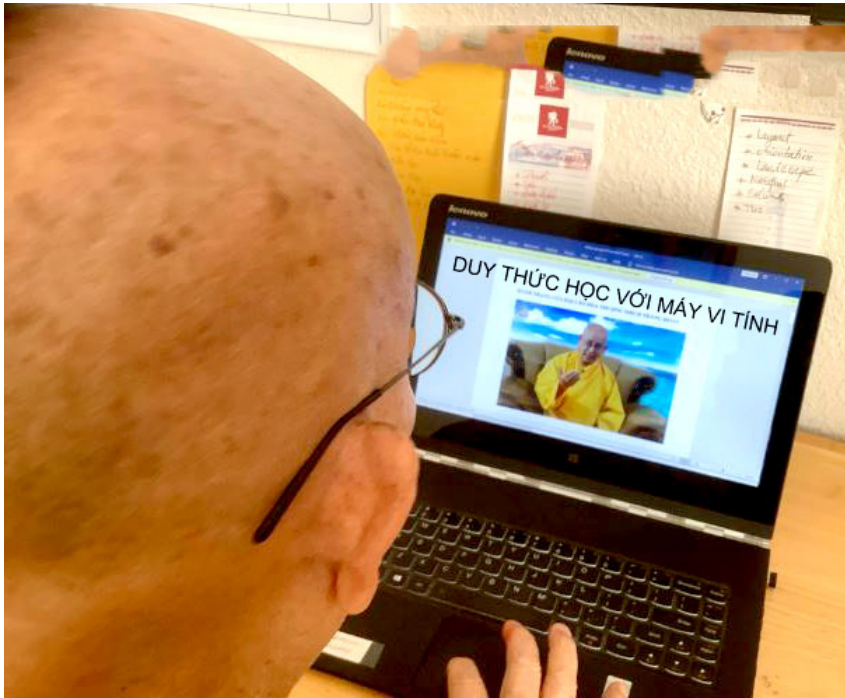


DUY THỨC HỌC VỚI MÁY VI TÍNH

Trương Thông Văn trước tác

Thích Thắng Hoan Việt dịch



MỤC LỤC

Lời nói đầu

Chương 1: *Sự tổ chức của máy vi tính và công năng của tám thức liên hệ với nhau*

Chương 2: *Điện não không chế nhân loại đáng sợ*

Chương 3: *Trong tâm thức điên đảo vô minh kiểm chế chúng sanh đáng sợ*

Chương 4: *Lọc sạch nhân tâm là then chốt*

Chương 5: *Trình bày sơ lược các tông phái và pháp bảo của thời đại mạt pháp ----*

-- *Niệm Phật*

Kết luận: *Phương pháp đối phó thức thứ bảy*

LỜI NÓI ĐẦU

Vào thời đại này, kể cả đứa trẻ ba tuổi cũng biết dùng máy vi tính rất rành. Ngay trong sự sanh hoạt ngày thường, con người chỗ nào cũng đều có cơ hội tiếp xúc đến máy vi tính, như là xe hơi, dụng cụ nhà bếp, máy móc thương nghiệp, cơ giới công nghiệp, dụng cụ điều trị, thậm chí trong đồ chơi của trẻ con cũng có trang trí máy vi tính lớn nhỏ phức tạp và đơn giản không giống nhau. Đến nỗi ở trong cơ quan điều khiển tinh vi, máy vi tính lại càng không thể có khuyết điểm,

chẳng hạn như Phi Cơ, Tàu Thủy, Tín Hiệu Vô Tuyến Truyền Đạt..v.v.... đều an trí máy vi tính rất đầy đủ cao cấp. Chính nơi trang bị quân sự, máy vi tính lại càng trọng yếu hơn. Cho nên con người hiện nay sanh hoạt đều càng ngày càng y lại nhiều vào máy vi tính thì nó càng quan trọng hơn.

Các chuyên gia đã từng nói cơ năng não bộ của con người so với máy vi tính phức tạp nhất trên thế giới lại càng phức tạp hơn. Một con người bình thường mỗi giây đồng hồ có thể tiếp nhận mười loại tư liệu tri thức mới. Cho nên năng lực ký ức của não bộ con người hầu như là vô hạn. Các chuyên gia nói đến vấn đề này chỉ bàn đến một phương diện sanh lý, tức là chỉ nói đến một bộ phận hệ thống thần kinh của thân thể con người, mà không biết rõ não bộ của con người dựa vào đâu để có thể tàng trữ tư liệu nhiều như thế. Phật pháp thì nắm được nguyên nhân trong đó giải thích thật rất rành mạch, sự giải thích này chính là ở nơi Duy Thức bình luận rõ ràng. Phật pháp chỉ bày trong tâm chúng sanh phát khởi biến hoá các thứ niệm tưởng đều do tám Thức mà có. Tám Thức này lại có một thứ quan hệ lẫn nhau làm cho công năng của nó trở nên phức tạp và tinh tế. Các thứ tổ chức trong não bộ chẳng qua chỉ là điều kiện phụ trợ, là dụng cụ chuyên môn của công năng phát huy mà thôi. Cần nói rõ hơn con người dựa vào đâu có nghiệp lực, dựa vào đâu bị luân hồi, thành đạo như thế nào, tốt nhất là trước hết phải biết rõ sự lợi hại của “Thức”, nếu như hiểu rành máy vi tính trước rồi sau đó nghiên cứu Duy Thức thì có thể thích hợp hơn. Tôi viết quyển sách này là dụng ý thỉnh mời mọi người tham gia vào tri thức để lãnh hội đạo lý trong Phật pháp. Phật điển thì cao thâm, nhưng ở trong sanh hoạt thường ngày đều có thể lãnh ngộ được đạo lý trong Phật pháp. “Vạn Pháp Duy Thức”, người tu hành không luận tu pháp môn nào cũng đều tốt cả, tất nhiên ở trong pháp môn đó cần phải có một nhận thức rành mạch thì mới nên bắt đầu chọn lấy pháp tu, hơn nữa không đến nỗi khi đã thâm hậu môn phái mình thì không lạnh nhạt pháp môn khác. Nguyên lý máy vi tính đã thấu suốt mà đi học Duy Thức thì sự học tập cụ thể hơn, cho nên chúng tôi hiểu được đây là một bước đầu nhập môn hết sức trọng yếu.

Lời Nói Đầu của Trương Thông Văn nơi Thông Uyên Tịnh Cư
Ngày 16 tháng 11 năm 1983

DUY THỨC VỚI MÁY VI TÍNH

CHƯƠNG I

SỰ TỔ CHỨC CỦA MÁY VI TÍNH VÀ CÔNG NĂNG CỦA TÁM THỨC LIÊN HỆ NHAU

Bộ phận vô cùng trọng yếu của máy vi tính chính là nơi kết cấu tàng trữ tài liệu. Phần cao cấp của máy vi tính ở chỗ là thiết kế tài liệu truyền vào và phát ra rất tinh tế phức tạp. Tài liệu sau khi truyền vào xong có thể sản xuất thành thiết bị mềm (phương tiện chương trình) để chuẩn bị sử dụng cho ngày mai. Về sau khi muốn giải quyết vấn đề gì chỉ cần bấm đúng loại mở thiết bị mềm và nương theo thứ tự ấn nút, liền có thể tìm được câu trả lời. Máy vi tính nếu ở góc độ đơn giản là thay thế người kế toán, còn ở góc độ phức tạp là có thể cùng người đối thoại. Kế toán cũng đúng và đối thoại cũng hay, chúng nó đáp và hỏi đều là căn cứ theo trong bộ phận tàng trữ tài liệu mà ra. Chỉ do nơi tài liệu truyền vào thì kỹ thuật cao cấp khiến cho máy vi tính bỗng nhiên phát hiện cá tánh của một con người có thể cùng với chủ nhân thảo luận sự lý, đánh cờ, bài bạc, thậm chí phát sanh tánh tình gắt gỏng.

Tổ chức của máy vi tính cùng với công năng của các phương diện khác có rất nhiều phương diện thích hợp và tương đồng nơi tám Thức của chúng sanh.

Thứ nhất như trên đã trình bày, sở dĩ máy vi tính có thể vấn đáp, phân tích, cung cấp kế hoạch hoặc trò vui chơi..v.v.... đều do các tài liệu truyền vào. Nếu như đem tài liệu sai lầm phát lên máy vi tính thì nó trả lời lại cũng sai lầm, cho đến những sai lầm trong kho tàng trữ nếu được sửa chữa lại thì hết ngay.

Thứ hai ngoài trên ra như bộ phận phụ tùng trong máy vi tính có chỗ hư hỏng thì cũng có thể làm cho sai mất các thứ tài liệu. Cho nên những phụ tùng và đường giây quyết định cần phải có kiểm tra.

Nhãn căn, Nhĩ căn, Tỷ căn, Thiệt căn, Thân căn, cho đến Ý căn của chúng sanh, nghĩa là thông thường người ta đều nghe nói qua sáu căn, chúng đều có đủ công năng truyền vào. Nhưng mà chúng sanh từ nhiều đời nhiều kiếp đến nay đã từng tàng trữ rất nhiều tri kiến nơi trong Thức thứ tám. Thức thứ tám này tiếng Phạn gọi là “A Lại Da”, mang ý nghĩa là “Tạng”. Công dụng của Tạng Thức này có bộ phận tàng trữ giống như máy vi tính, đem tài liệu và kiến thức bắt đầu thu chứa, mãi mãi không thể tự động tiêu diệt, trừ phi bản thân chúng sanh hành động khác đi là thu vào tài liệu mới đem tiêu trừ kiến thức cũ. Bởi vì những kiến thức

ngày xưa nhiều đời nhiều kiếp của chúng sanh đều là được xây dựng trên cơ bản phiền não như tham, sân, si, mạn, nghi..v.v...., nếu như không phải thế thì không bị luân hồi thọ khổ, cho nên Phật Pháp gọi những tri kiến điên đảo đã thâm chứa này là “Nghiệp”, mà từ những thứ tri kiến này bắt đầu phát huy thứ năng lượng mê muội cho mình và cho người khác gọi là “Nghiệp Lực”. Hiện nay chúng sanh đương nhiên vẫn cứ truyền vào những tài liệu mới, chỉ cần những tài liệu truyền vào này quyết định hoà hợp là kẻ hở hết sức không tốt cho việc đối chiếu, nguyên vì sử dụng những tri kiến trước đó làm tiêu chuẩn cho nên cũng vẫn là điên đảo, khiến nghiệp lực càng thêm gia tăng. Hiện tượng điên đảo như thế xảy ra là do chưa có phản ứng đối chiếu trước khi từng bước duyệt xét. Có công năng đối chiếu đây chính là Thức “Mạt Na” của Tư Lương Năng Biến (công năng biến hiện suy nghĩ dẫn đo) và cũng chính là Thức thứ bảy. Ở trong máy vi tính cũng có một bộ phận như thế, chuyên phụ trách đối chiếu thứ tự. Khi đang kiểm tài liệu hoặc tìm câu trả lời, máy vi tính tiến hành trước là căn cứ theo chương trình tài liệu của bộ phận tàng trữ làm một việc đối chiếu, nếu như phạm vi tài liệu tồn tại không có chương mục để hỏi, máy vi tính lại bày tỏ không thể trả lời. Còn một cái máy vi tính dùng vào việc sửa chữa xe hơi là để xem phương pháp giải đáp có quan hệ kiến trúc hoặc vấn đề khác của nó, thường gọi việc ấy là nguyên nhân. Tri kiến của chúng sanh phải trải qua sáu căn mà truyền vào hoặc truyền ra, nhưng truyền ra hoặc truyền vào ở trong bước đi tất nhiên phải trải qua sự đối chiếu của Thức thứ bảy. Thí dụ như đương lúc con mắt xem thấy đồng tây giống nhau, đồng thời không thể khởi tác dụng. Lúc đó Thức thứ bảy mới y cứ nơi chỗ chứa tri kiến của Thức thứ tám mà phát khởi sự đối chiếu. Như trong ấn tượng này đồ vật làm có lợi hoặc tốt đẹp thì Thức thứ bảy tự tiếp công hàm quyết định của Thức thứ sáu tạo nên ưa thích mà Ý Thức liền có thể trực tiếp khiến cho con mắt xem đồ vật ấy lâu hơn, khiến các bộ phận cơ thể khác tạo nên một phản ứng liên hệ, khiến cho nghiệp của Thức thứ tám càng sâu thêm, mà liên lụy đến nghiệp luân hồi của chúng sanh cũng càng thêm nặng. Nguyên do Thức thứ bảy quản lý công năng đối chiếu, liền khởi lên chấp trước vui mừng và chán ghét, đồng thời quan niệm có một cái “Ngã”. Quan niệm việc ấy chỉ là một thứ cảm giác sai lầm, tạm có hư huyền, cho nên gọi là “Giả Ngã”. Cho nên khi người mừng vui không biết cái “Ngã” ưu sầu ở đâu, khi người ưu sầu lại đẹp cái “Ngã” lúc mừng vui không cho đến. Sự cảm thọ tư lương (suy nghĩ dẫn đo) của con người biến hoá nhiều đầu mối, mỗi lúc mỗi loại, cho nên “Giả Ngã” cũng thiên biến vạn hoá theo, đưa đến kết quả đều là khổ. Về già trước tuổi thì lại hiện ra rất rõ ràng. Tư tưởng của con người càng phức tạp, “Giả Ngã” biến hoá cũng nhiều, hơn nữa già yếu hưởng càng nhanh. Nhưng “Giả Ngã” thì không có luật định dừng lại, trừ phi nghiệp hoàn toàn cải biến trong Thức thứ tám. Chúng sanh phàm phu đã bị nghiệp lực ràng buộc, cho nên không thể thoát khỏi cái khổ già và chết.

Tri kiến xuyên qua sáu căn mà đi vào, sau khi xuyên qua tư lương ngã chấp của Thức thứ bảy, liền cũng khiến con người khởi lên các thứ nhiễm trước mang theo đầy đủ thiên kiến, tạo thành chủ nhân của phiền não. Nguyên vì một số tri kiến này thường nhiễm trước sáu căn, trong kinh Phật gọi là vi trần, do bởi sáu căn mới có sáu trần. Tri kiến trước khi xuyên qua đối chiếu không phải là vi trần. Một khi xuyên qua đối chiếu, nguyên do phân biệt xuyên qua của Thức liền hoá thành vi trần, nhiễm trước nhân tâm khó mà xả bỏ. Ngược lại như các tri kiến truyền vào qua sáu căn, trong Thức không khởi phân biệt là các tri kiến không thể nhiễm trước tâm niệm, cho nên phạm phu cũng hiểu biết mà không thấy, cũng nghe mà không nghe, hoặc ăn mà không biết mùi vị của nó. Nhưng chân chánh không bị nhiễm trước là sau khi được thật chứng bốn trí, tức là Trí Đại Viên Cảnh, Trí Bình Đẳng Tánh, Trí Diệu Quan Sát và Trí Thành Sở Tác, thì tâm lúc đó mới có thể không thọ nhận các cảnh chuyên biệt và tự do ra vào mười pháp giới không sanh phiền não.

Thông thường con người khi sử dụng máy vi tính gặp rõ ràng cái công năng đối chiếu là căn cứ theo tài liệu truyền vào mà có, chỉ cần chuyển tài liệu đến cho người quá ư tự tin khi đặc tính tài liệu đó có thể tin cậy, lại nhận lấy tài liệu của điện não khác chẳng giống như nó. Lúc ấy liền sản sanh một thứ thái độ cố chấp tự mê, chẳng chịu nghe theo ý kiến của người khác. Bây giờ do vì muốn duy trì cái địa vị danh dự tối cao ấy của nó với nhiều cách thu thập tài liệu truyền vào điện não này, lâu ngày tạo ra cá tánh tham nhiều, liền thành “Điện Não Điên Cuồng”. Thức thứ bảy cung cấp những cảm giác sai lầm của chúng sanh cũng giống như thế, nguyên do nó lấy tri kiến trong Tạng Thức làm căn cứ, thường khởi lên cái tự ngã tham ái, trong đó có cái tham của phiền não căn bản. Lại nữa nó thường cho cái ngã là tối thượng, nên chấp trước điên đảo tính mù quáng, trở thành đại si đại mạn, khiến cho ngã chấp liên tục không dứt, không có thể tự thoát khỏi.

Công năng phân biệt nương nơi sáu căn để khởi chính là sáu Thức, tức là Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức và Ý Thức. Các Thức nương nơi cảnh mà khởi phân biệt, sự quan hệ cấu tạo và linh hoạt của nó, điện não của thế gian khó mà nhìn được phía sau lưng của nó. Năm Thức trước chỉ có thể phát khởi phân biệt tự tánh, tức là từng có các công năng, như con mắt chỉ có thể xem thấy mà không thể nghe tiếng..v..v....., còn loại suy diễn, Ý Thức thì ngoài phân biệt tự tánh ra, lại có thể phân biệt theo niệm và phân biệt tính toán suy nghĩ. Ngoại trừ đây, Ý Thức cũng có thể đối với ngoại cảnh vượt qua năm Thức trước tiến hành phân biệt, trường hợp đây gọi là Ngũ Câu Ý Thức. Ý Thức cũng có thể tự phát khởi cảnh tượng mà tiến hành phân biệt, đây gọi là Độc Đầu Ý Thức. Độc Đầu Ý Thức gồm có ba loại:

- 1)- Mộng Trung Độc Đầu Ý Thức, tức là cảnh tượng thấy được ở trong mộng.
- 2)- Định Trung Độc Đầu Ý Thức, tức là cảnh tượng giả khởi khi ở trong thiền định.
- 3)- Tán Vị Độc Đầu Ý Thức, tức là cảnh tượng trong giả tưởng.

Độc Đầu Ý Thức tuy không dựa vào ngoại cảnh mà tự mình phát khởi hiện tượng, nhưng cũng không phải là trong cái không mà sanh ra cái có. Cảnh tượng của Thức này hiện ra đương nhiên với nghiệp lực đời trước có quan hệ ẩn tượng. Chúng sanh trong sáu cõi phàm thường phát khởi Độc Đầu Ý Thức. Nhưng có năm thứ tình hình dưới đây mà Ý Thức không thể sanh khởi, tức là:

- 1)- Cõi trời Vô Tướng,
- 2)- Thiền định Vô Tướng,
- 3)- Thiền định Diệt Tận,
- 4)- Ngủ nghỉ không mộng
- 5)- Vô cùng choáng váng.

Ở năm ngôi vị trên đây, Ý Thức đều không thể sanh khởi.

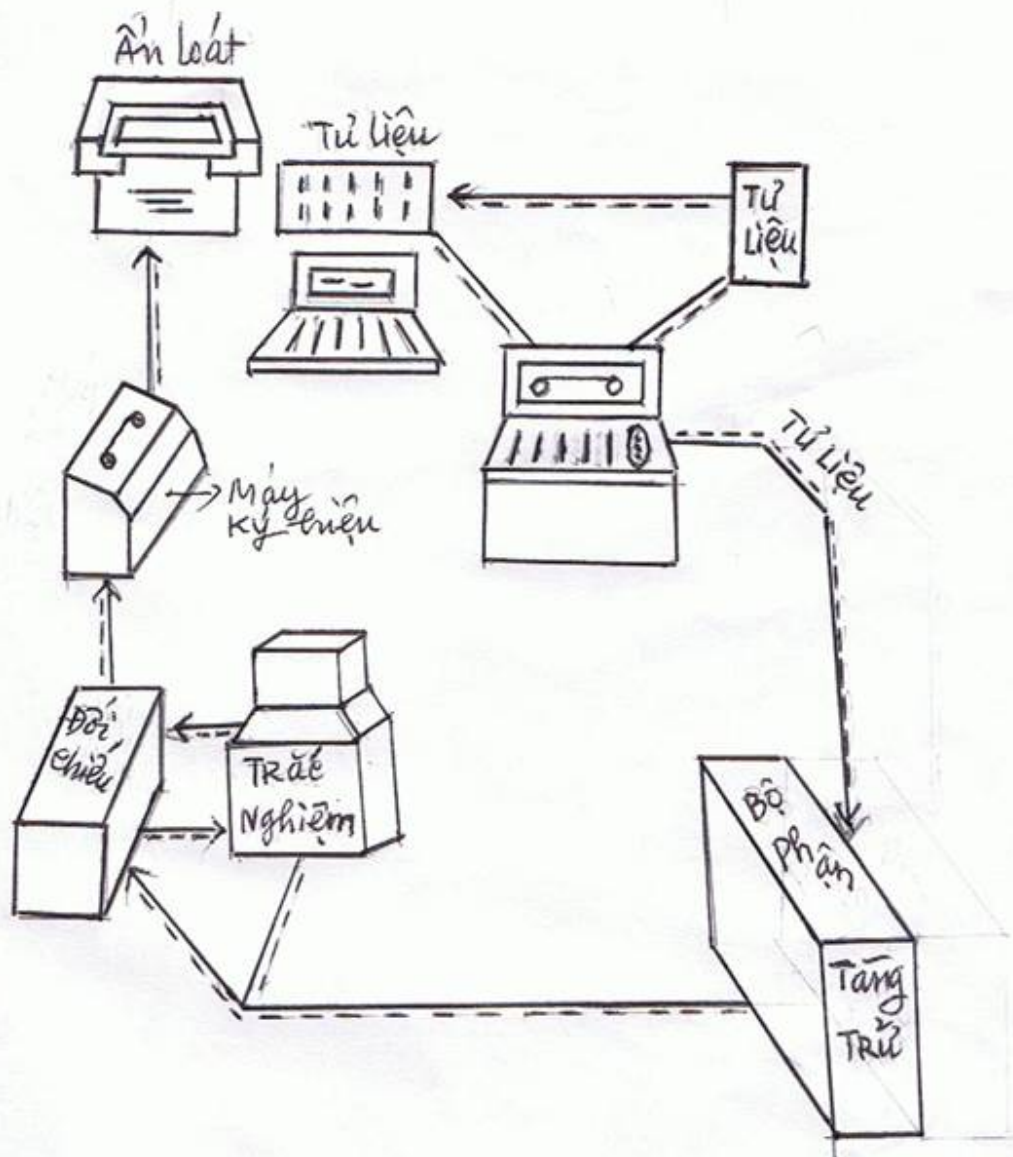
Nơi trên đạo lý cơ bản, sự truyền vào trong điện não, các thứ tự tàng trữ và truyền ra tuy cùng với tám Thức có chỗ hợp tác, nhưng ở nơi phát triển dẫn đến trong từng lớp phức tạp, Thức có thể khiến chúng sanh cảm ứng nơi trong mười pháp giới, đó là công năng không thể nghĩ bàn. Ở điểm này, điện não thì lại hoàn toàn không có khả năng so sánh dự thảo. Đã sẵn có công năng huyền diệu, không ai bằng “Dị Thục Năng Biến” của Thức thứ tám và nó còn có khả năng dẫn đến quả báo. Thí dụ như con người do chủng tử nửa thiện nửa ác lại cộng thêm ngoại duyên để sanh ra quả dị thực, được thân con người kiếp sau thì đã quên hẳn thân kiếp trước và cũng không biết hậu quả như thế nào. Mặc dù cùng một điều kiện nơi Dị Thục Năng Biến mà sanh làm người, cũng có nhiều thứ phẩm loại, như nghèo, giàu, hiền, ngu..v.v.... trừ ngoài chủng tử ra nên biết còn có các nhân tố khác, như nghiệp lực đời trước và các thứ duyên số..v.v.... Cho nên dù rằng là đồng chứng quả Đăng Lưu, ý kiến, tư tưởng, khẩu vị của mỗi người đều có chỗ không giống nhau. Về điểm này, nguyên nhân như thế nào cần nên nói rõ là người phàm phu ở cõi Ta Bà chỉ giác ngộ như chớp, còn Phật Đà trụ ở cõi Ta Bà lại thấy hoàn toàn là lưu ly.

Sự cấu kết của điện não và sự so sánh liên hệ với các Thức của chúng sanh, có thể tham khảo đồ hình hướng dẫn dưới đây. Đồ hình này được “phân tích của Linh Sơn Học Hiệu” với ngòi bút vụng về và đã từng sản xuất qua trong một quyển

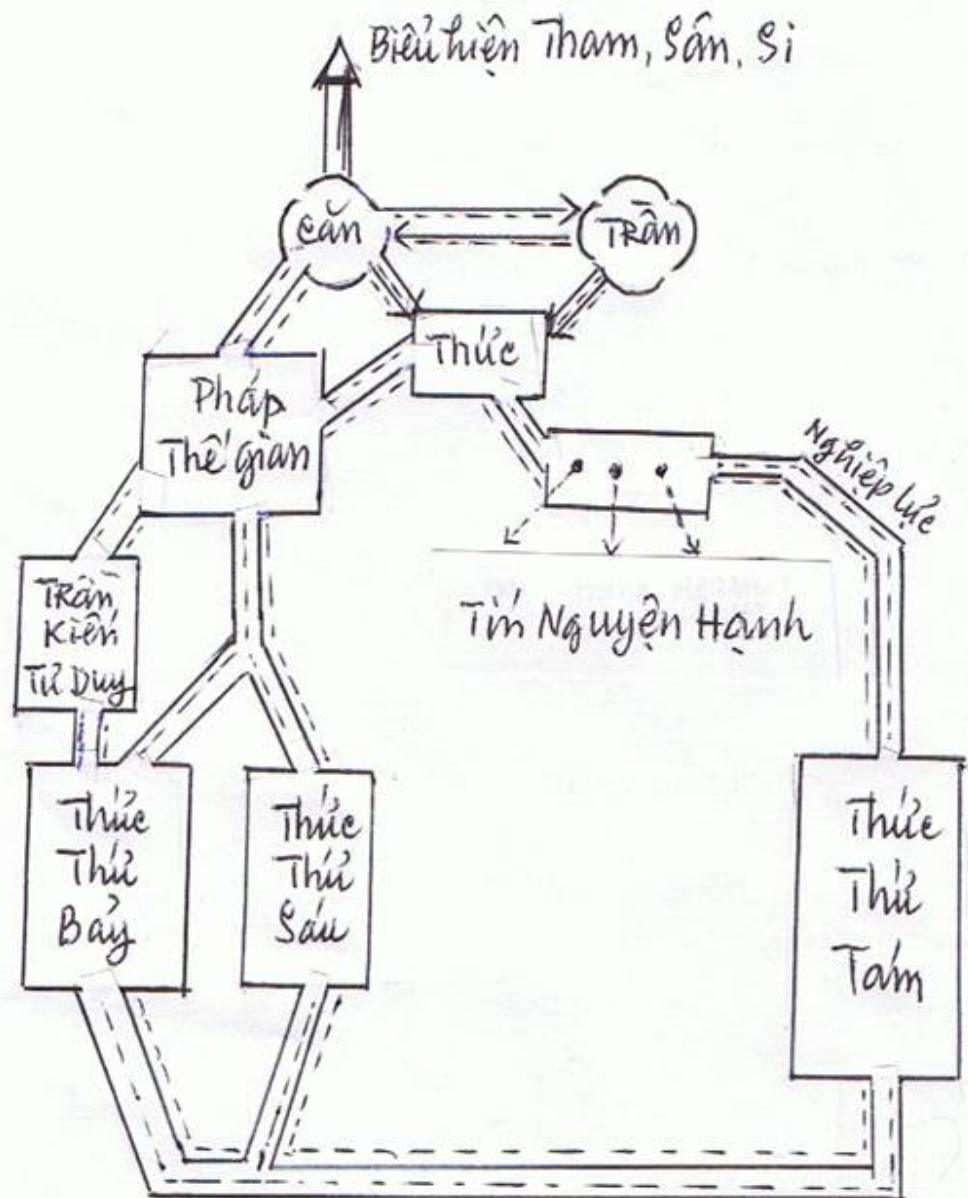
sách, hiện nay ở đây tái bản lần thứ nhất, để tiện cho những người tham khảo khi họ không có quyển sách nói trên.

Đồ Hình

DÒNG ĐIỆN



NĂNG LỰC TÂM LINH



CHƯƠNG II

ĐIỆN NÃO KHÔNG CHẾ NHÂN LOẠI ĐÁNG SỢ

Ở vào thời đại 80 của cuối thế kỷ 20, điện não ứng dụng trong các nghề nghiệp đã tràn ngập vô cùng rộng lớn, sự sinh hoạt của con người chả ai mà không chịu quan hệ điện não. Con người ý lại vào điện não thì càng nhiều, cho nên đối với thế kỷ 21, sự sinh hoạt triển vọng của họ đều nhận thấy sẽ điện não hoá hoàn toàn. Nơi trong gia đình, công tác nấu cơm rau vô cùng trọng yếu, nào sử dụng khoa ăn uống và phương pháp nấu nướng cũng do điện não quyết định tất cả, thêm nữa máy ghi thời gian trong hệ thống điện não chỉ cần ấn nút bật điện là công việc nấu, hấp, rán, nướng đều thích hợp đến chỗ tốt đẹp. Còn việc quét dọn sạch sẽ thì có cơ giới của điện não không từ khó nhọc thay thế con người không chế lấy và mỗi ngày 24 giờ công tác không đình chỉ cũng nên sử dụng nó. Lúc bấy giờ con người hoàn toàn không phải đi làm, chỉ cần ở trong nhà ráp mở cho xong hệ thống điện não, trong đó bao gồm cả truyền hình và dụng cụ chuyên chở cho đến không luận hội họp hoặc thảo luận không cần ra khỏi nhà mà vẫn có thể hoàn thành. Danh từ bưu điện đã thành công trên lịch sử, nguyên vì tất cả thông tin đều có thể trao lại qua hệ thống điện não mà đi lại nhanh chóng. Không chỉ mau lẹ mà lại còn có hệ thống phiên dịch, người giao việc có thể dùng bất cứ ngôn ngữ gì để truyền vào điện não, khi truyền ra đến nơi quốc gia nào, ngôn ngữ này cũng được phiên dịch thành văn tự của quốc gia đó. Còn thứ điện não phiên dịch này cũng được đặt nơi trên máy điện thoại, con người cũng có thể dùng bất cứ ngôn ngữ nào để nói chuyện, đối phương khi tự nhận được liền phiên dịch và truyền đạt ngay.

Lúc bấy giờ dùng con mắt làm mật mã trong việc chi tiêu hoặc rút tiền, hoàn toàn không phải chỉ là sáng tạo của điện ảnh mà còn sắp thành phương pháp sử dụng phổ thông. Lúc đầu giác mạc con mắt của con người hoàn toàn giống nhưng chỉ mô, mỗi cá nhân đều không giống nhau. Đặc biệt máy móc trước hết cảm bức ảnh của giác mạc đem xuống, sau đó truyền vào trong cực nhỏ của điện não, điện não liền tiếp nhận tự động bắt đầu cất giữ. Đến khi ứng dụng bước chi tiêu hoặc rút tiền chỉ cần đem bức ảnh của giác mạc tạo nên một thứ sản xuất phim, máy móc đối chiếu của điện não liền tiếp nhận tra xét đến là có phải hay không và công việc ghi chép tồn trữ trước kia có giống nhau không. Như thế thì mục chi tiêu liền mở rộng hoặc đưa ra khoản tiền, còn như không phải thế là mắt phản ứng.

Vấn đề chuông, lò nướng, xe hơi nói chuyện đối với đông và tây hoàn toàn cũng chẳng phải là hiếm có. Hiện thời công việc đòi hỏi sức người sanh hoạt rất nhiều, đến lúc cũng nên sử dụng điện não để điều khiển. Thí dụ như việc “lái xe hơi” liền biến thành trực tiếp “hướng dẫn lái”, tức là sử dụng tiếng nói hướng dẫn

điện não, khiến xe hơi lái đến chỗ mục đích. Còn điều trọng yếu hơn nữa là đòi hỏi về phương diện y dược. Phương thuốc và chẩn mạch thì giống nhau, riêng phân tích bệnh tình đưa đến giải phẫu..v..v...., tất cả đều sử dụng điện não để đảm đương, mà hơn nữa ở trên đặc tính chính xác, đặc tính tinh vi và tốc độ tỷ số người giỏi xuất hiện rất nhiều. Một nhóm gia đình y sĩ đã không còn trọng yếu nữa, các y sĩ đều biến thành chuyên gia y học điện não cũng từ sự phát minh hoàn toàn cao cấp của hệ thống điện não điều trị.

Như thế cùng một thời đại điện não, con người sanh hoạt một thân có thể kiêm nhiều chức vụ mà cũng không cảm thấy bận rộn nhàm chán. Nguyên vì rất nhiều việc đều dùng đến điện não không chế, tính toán cho được hoàn thành. Tức là khiến chỉ một ông Vương Lão Ngũ chạy hiệu ở bên ngoài suốt ngày mà đến khi chiều về nhà cũng sắp xếp được bữa cơm tối mùi vị thơm ngon để dùng, lý do điện não trong nhà bếp của ông ta sớm đã làm xong tất cả hoàn hảo đúng giờ.

Con người trong thời đại ngày nay hoàn toàn giống nhau là đều ỷ lại vào điện lực và dầu xăng, con người trong thế kỷ 21 này hầu như cùng nhau trông cậy vào điện não thay thế sanh hoạt. Đúng như trường hợp trên nhân loại sẽ không biết, không giác ngộ được trong thời gian hoàn toàn chịu sự khống chế của điện não. Rất nhiều phương thức sanh hoạt đều đòi hỏi theo sự khống chế của điện não. Rất nhiều phương thức sanh hoạt đều đòi hỏi theo sự khả năng tánh cho phép và phạm vi làm việc của điện não. Trên thị trường buôn bán tất cả đều do khả năng và hệ thống điện não phối hợp làm chuẩn. Mặt ngoài xem đến điện não giúp cho nhân loại mang đến sự tiến bộ và tiện lợi, nhưng khi phát triển quá độ, nhân loại trở nên bị nô lệ mà không tự biết. Đến lúc nào đó, vật thực quá nhiều không thể phối hợp với hệ thống điện não nhà bếp đều bị đào thải hết, y phục không hợp với hệ thống điện não giặt áo thì không còn chế tạo trở lại lần nữa. Đồ dùng trong học đường, máy móc của y viện, thiết bị của quân sự, công cụ giao thông, đồ vật vui chơi không có vật nào mà không chịu sự khống chế của điện não cả.

Cứ như thế phát triển về sau, bỗng nhiên có một ngày toà án xử tội lại cũng sử dụng đến điện não để làm công việc duyệt xét và dựa vào hồ sơ của điện não để phân tích xét xử. Điện não là máy móc vô tư. “Pháp luật không ngoài nhân tình” câu nói này hoàn toàn không thành lập trở lại, con người thường biến thành vô tài làm khả năng, cho nên có khổ mà nói không được và cũng không biết cách để mở điện não vì thế một khi mỗi một lại tiết lộ bức tức. Thứ tình hình này ở trong thời đại ngày nay có lúc cũng có thể thường gặp. Giống như ngân hàng bỗng nhiên gửi lại biên bản nói về khoản tiền đã chi tiêu vượt quá số thu, như thế không khiến người ta chấn động sao? Dưới đây chỉ cần tra xét sự phát xuất sai lầm của điện não. Nhưng hiện nay sự sanh hoạt của con người chưa đến nỗi hoàn toàn ỷ lại vào

trình độ của điện não, cho nên chịu ảnh hưởng không lớn. Chỉ chờ đến khi nhân loại phần lớn ỷ lại vào điện não, sẽ có một sai sót là nó ảnh hưởng nhất định rất lớn. Nói về phương diện cá nhân, điện não trong nhà hoàn toàn hư hỏng khiến không có cơm ăn, không có điện xem xét, lại nữa hoặc không thể mở được xe hơi, hơn nữa như cung cấp sai lầm khiến cho uống lộn thuốc..v..v.... Về phương diện xã hội, điện não sanh ra tình trạng hỗn loạn từ đó khiến giao thông xảy ra tai nạn, công xưởng sản xuất giảm thiểu, kinh tế thất thu..v..v.... Về phương diện quốc tế, điện não sanh ra việc không may lại không được chi cả, nếu nhẹ có thể khiến cho quốc tế phát sanh tình trạng khẩn trương và hiểu lầm, nếu nặng lại có thể gây ra chiến tranh thế giới. Cho nên nơi trong thế giới điện não sau này, sự an nguy của con người không thể dự biết, cũng không phải chỗ con người có thể thao túng. Con người sanh hoạt ở trong thời đại như thế, mặc dù có kỳ vọng điện não hằng ngày đừng có thác loạn. Tuy nhiên nó sẽ khiến không phát sanh thác loạn nhưng lại phát sanh sự đe dọa tổn hại. Sự tổn hại ở đây là điện não hoàn toàn không thể chuyển đổi, sẽ hình thành nhiều sự bất tiện, khiến con người bị kim tiền, thời gian, công tác, thậm chí tổn thất trên ái tình cũng có thể nói là bất định. Sanh hoạt như thế tự nó có một mặt đáng sợ, mà Phật Giáo nói rằng “Các thọ là khổ” đến lúc đó con người có thể cảm thọ được trọn vẹn, khác nào chân đã lún sâu vào đất, ngoại trừ hoàn toàn tiếp thọ sự chi phối của văn minh vật chất, bằng như không thể con người có khả năng nêu ra biện pháp gì để giải quyết.

CHƯƠNG III

TRONG TÂM THỨC

ĐIÊN ĐẢO VÔ MINH KIỀM CHẾ CHÚNG SANH ĐÁNG SỢ

Điện não khống chế nhân loại chỉ giới hạn trong phạm vi thế giới này, nhưng trong Thức A Lại Da diên đảo vô minh kiềm chế đối với chúng sanh không biết lớn hơn điện não gấp bội nhiều ít, thật là không có thể dùng số để tính được.

Chúng sanh từ vô thủy đến nay, liên khởi vọng thành hoặc lần lữa vô cùng, khiến bị sanh tử liên tục lẫn nhau, nổi chìm không bao giờ chấm dứt, có chỗ gọi là “xương khô cao hơn núi Tu Di, nước mắt rơi xuống đầy cả bốn biển lớn”. Xương khô ở đây có nghĩa là chỉ cho một người mỗi lần sau khi thọ sanh đi đến kết quả tử vong, để lại xương trắng và nước mắt ở đây có nghĩa là quyền thuộc của họ vì họ tử vong liền kêu khóc thảm thiết. Xương trắng và nước mắt nhiều như thế không thể nào không khiến tâm của con người kinh đảm đập mạnh. Cho nên mỗi người cần phải suy nghĩ kỹ càng xem đã, là có lỗi cũng nên cần sớm chấm dứt sanh tử?

Nghiệp lực trong ruộng tâm Thức cố nhiên là hạt giống luân hồi, nhưng nay lại không đề cập đến pháp giới khác của họ thọ luân hồi, tức là chỉ cho Thiên Đạo, A Tu La Đạo, Súc Sanh Đạo, Ngạ Quỷ Đạo và Địa Ngục Đạo, ở đây chỉ nói pháp giới của con người mà thôi. Nguyên nhân trong tâm Thức con người vọng tính điên đảo, ảo hiện giả ngã, lại chấp cho là thật, nên thọ lấy các thứ biến chuyển. Tội chủ yếu trong vọng tính điên đảo có sáu thứ phiền não căn bản là căn bản của tất cả pháp bất thiện, tức là:

- 1)- Tham: khởi lên từ thân thể, sanh ra các thứ tham ái quyền luyến, không biết vô thường.
- 2)- Sân: không rõ nguyên lý không của ngũ uẩn, thường sanh chấp trước, não loạn tình cảm của chí hướng.
- 3)- Si: không biết nhân quả, mê nơi hiện tượng, điên đảo ngu muội.
- 4)- Mạn: lỗi lầm nơi tự thị, tự tín, chọn lấy “Ngã” làm trung tâm.
- 5)- Nghi: lỗi lầm nơi sự chọn lấy pháp thế gian làm xu hướng, không thể phát khởi chánh tín.
- 6)- Kiến: chấp ngã, chấp thường, phủ nhận lý nhân quả, tu theo tà kiến tà hạnh.

Con người sau khi có sáu thứ phiền não căn bản như trên đã trình bày, lại còn sanh ra chi tiết, gọi là phiền não ngọn ngành, cộng chung có hai mươi thứ. Lại nữa nguyên nhân phát sanh tiếp theo loại phiền não này chính là phiền não căn bản, có chỗ gọi là Tùy Phiền Não. Tùy Phiền Não gồm có ba loại là Tiểu Tùy Phiền Não, Trung Tùy Phiền Não và Đại Tùy Phiền Não. Tiểu Tùy Phiền Não gồm có mười thứ, Trung Tùy Phiền Não gồm có hai thứ, Đại Tùy Phiền Não gồm có tám thứ. Danh xưng và giải thích của mỗi thứ Tùy Phiền Não được trình bày như dưới đây:

A)- Tiểu Tùy Phiền Não:

- 1)- Phẫn: nguyên nhân không đạt được lợi ích, tâm khởi lên ý tức giận.
- 2)- Hận: sau khi căm phẫn nhớ nhưng không bỏ, phát động nội kết oán hờn.
- 3)- Phú: che giấu lỗi lầm, không sám không hối, tìm cầu bảo vệ danh lợi.
- 4)- Não: nguyên nhân không đạt được lợi ích mà ôm ấp căm thù, thường thường nóng nảy.
- 5)- Tật: nguyên nhân thấy người danh lợi lớn mà phát khởi lo âu không yên.
- 6)- San: không chịu bỏ thí để làm lợi ích cho chúng sanh.
- 7)- Cuồng: vì cầu danh lợi, làm nguy quân tử, hư vọng dối trá.

- 8)- Xiêm: xu nịnh những kẻ có tài năng và thế lực để lợi ích cho mình, không cần chiếu cố đến chánh nghĩa.
- 9)- Hại: không tôn trọng sanh mạng, tha hồ gây tổn thương.
- 10)- Kiêu: cho danh lợi thế gian là vinh quang, tham trước không xả.

B)- Trung Tỳ Phiền Nã:

- 1)- Vô Tàm: đối với việc làm tội lỗi của mình lại không cho là xấu hổ, không tin nhân cách, tự gây tạo cho người khác.
- 2)- Vô Quý: chế nhạo, nói xấu, công kích người khác không chút thương hại ai cả, cứ tha hồ đắc ý, lại hăm mộ bạo ác, lấy đó làm tấm gương cho sự học tập.

C)- Đại Tỳ Phiền Nã:

- 1)- Bất Tín: tâm không thể tập trung cho nên khó mà tìm cầu chân lý.
- 2)- Giải Đãi: rõ biết sự sơ hở cần phải làm mà chẳng vui lòng thực hiện.
- 3)- Phóng Dật: không vui thích tu tập thiện pháp ngay, lại có dịp không đề phòng thiện pháp.
- 4)- Hôn Trầm: ngu muội không biết, chánh kiến không phát khởi.
- 5)- Trạo Cử: tâm chẳng bình lặng an tịnh, thường phản ứng nông nổi, chánh định không phát sanh được.
- 6)- Thất Niệm: thường thường sơ suất, không nhớ được sự giác ngộ chiếu soi, không có chánh niệm.
- 7)- Bất Chánh Tri: đối với đạo lý của sự việc không thể phân tích, không thể hiểu rõ.
- 8)- Tán Loạn: tâm chẳng an định, phân tán không chủ đích.

Ngoại trừ sáu Phiền Nã Căn Bản và hai mươi Tỳ Phiền Nã, còn có bốn Bất Định:

- 1)- Hối: tức là đối với những việc lỗi lầm của mình đã làm liền phát khởi hối hận bất an. Như đối với những việc ác của mình đã làm hoặc chẳng làm những việc thiện liền phát khởi ăn năn đó là thiện. Nếu như đối với những việc thiện của mình đã làm hoặc chẳng làm những việc ác liền phát khởi ăn năn lại là ác.
- 2)- Miên: ngủ nghỉ vượt hơn chỗ nhu cầu, hoặc thường ưa thích ngủ

ngỉ là bất thiện.

- 3)- Tâm: phạm những sự việc chỉ biết quan sát hình tướng thô thiển bên ngoài mà chẳng chú ý đến nhân duyên của nó.
- 4)- Tứ: quan sát hình tướng vi tế, nghĩa là phạm những sự việc truy cứu đến nhân duyên của nó, nhưng chỗ quan sát nêu thiện chính là thiện, nếu ác chính là ác.

Ngoài đây ra còn có năm Biến Hành, năm Biệt Cảnh và mười một Thiện, cùng với Phiền Nã Căn Bản, Phiền Nã Chi Mạt và bốn Bất Định, nơi trong Duy Thức gọi là năm mươi một Tâm Sở Pháp.

a- Biến Hành:

- 1) Xúc: tức là Căn cùng chỗ đối với Cảnh và cùng Thức hoà hợp nhau.
- 2) Tác Ý: là tâm phát động tác dụng.
- 3) Thọ: tâm khởi các thứ cảm thọ.
- 4) Tưởng: khi có cảm thọ liền ghi nhớ những kinh nghiệm đã qua mà tiếp thu hiện tượng, thiết lập các thứ danh từ và ngôn ngữ cho nó.
- 5) Tư: tâm niệm bắt đầu hoạt động.

b- Biệt Cảnh:

Biệt Cảnh tức là tâm ở nơi tình hình khác nhau mà sanh khởi, không phải thường xuyên cố định.

- 1) Dục: đối với sự vật ưa thích phát khởi sự hy vọng đạt được gọi là dục.
- 2) Thắng Giải: đối với nơi cảnh quan sát có tánh quyết định nhận thức rõ ràng mười phần, còn đối với sự cảnh do dự nghi ngờ không quyết định gọi là không Thắng Giải.
- 3) Niệm: đối với kinh nghiệm không quên, còn đối với sự cảnh chưa trải qua kinh nghiệm thì không nhớ.
- 4) Định: đối với chỗ quán sát sự việc thường chuyên tâm chú ý, khi tán loạn thì không định.
- 5) Huệ: thường nương nơi chánh lý chọn lựa không điên đảo gọi là chánh huệ. Chọn lựa điên đảo không chánh lý là tà huệ. Còn không năng lực phán đoán chọn lựa là không huệ.

c- Thiện Pháp:

Tự lợi lợi tha nơi hiện thế lại có thể khiến đời vị lai đặng thiện quả gọi là thiện pháp.

- 1)- Tín: tin tưởng nhân quả, tin tưởng pháp xuất thế gian tăng thêm thiện lợi cho chúng sanh có thể đặng chánh quả.
- 2)- Tàm: đối với việc ác của mình đã từng làm phát khởi tâm hổ thẹn, phòng ngừa tái phạm.
- 3)- Quý: thường phát động sự mong muốn làm việc thiện và hy vọng người hiền khác cũng làm việc thiện như thế.
- 4)- Vô Tham: làm việc không có tâm tham cầu riêng tư, không phát khởi ý chiếm đoạt.
- 5)- Vô Sân: rõ lý nhân quả, đối với tất cả nghịch cảnh đều có thể giữ tâm bình an.
- 6)- Vô Si: không mưu kế điên đảo ngông cuồng, không nói lên lời lẽ sai lầm ngu muội.
- 7)- Tinh Tấn: đối với tất cả việc làm điều lành mạnh dạng hướng về.
- 8)- Khinh An: thường được chánh định, không bị hôn trầm ngu muội.
- 9)- Bất Phóng Dật: thường phát khởi giác chiếu, nội tâm tập trung, ngăn ngừa những điều ác, tu tập những điều lành.
- 10)- Hành Xả: làm những việc lành mà không chấp tướng, làm những việc lành thanh tịnh tạo lấy công đức cho thế gian.
- 11)- Bất Hại: không làm tổn hại khiến cho người khác tức giận, thường phát khởi tâm từ bi hộ trì.

Tám Thức và 51 Tâm của chúng sanh tác dụng khiến cho họ có căn thân và đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc của thế gian sanh khởi các thứ ảnh tượng quan niệm. Lẽ đương nhiên tâm và ngoại cảnh khi đối diện giao nhau liền sanh khởi các thứ phản ứng giả lập, lại cộng thêm sự sai biệt của thời gian, vị trí, ngôn ngữ, tất cả vấn đề như tự thân, tha phương, tâm cảnh, cả vấn đề nhân quả, sanh tử, chân giả, phàm thánh, tu chứng..v..v.... đều không thể lìa khỏi tâm mà tồn tại, cho nên nói tất cả đều là Duy Thức Biến Hiện.

Chúng sanh không biết đạo lý tinh thức, chỉ có Như Lai, ngoài ra không có pháp nào biết rõ đạo lý huyền diệu của Duy Thức biến hoá, cho nên bị chìm đắm nơi hiện tượng, vô tận kiếp không thể ra khỏi luân hồi khổ hải. Kẻ ngu si chỉ biết hưởng thọ trước mắt trong thế gian, gây tạo nhiều thứ ác nhân. Còn người tri túc thì cũng chỉ biết sanh hoạt an định, mặc dù tuy không làm ác, cũng không biết con đường quan trọng của việc làm thiện, vì thế vẫn cứ bị lạc vào thuyết không. Riêng người hướng thượng thì có nhiều cách cầu pháp, hoặc tu theo đạo tiên, hoặc nương

theo đạo Thần, hoặc tu theo các pháp thuật, nghiệp lực trong Duy Thức biến họ đến biến họ đi, nhưng biến họ không ra khỏi một loại cứu cánh trên, nguyên vì họ hoàn toàn không biết nhân duyên của chánh pháp. Cho nên nói chúng sanh đang chịu nghiệp lực trói buộc, ngoài ra họ hoàn toàn nhận thức được diện mục xưa nay của họ, tức là biết rõ đạo lý vạn pháp Duy Thức chính là pháp môn đặc biệt hoàn toàn không có pháp môn nào khác. Điên đảo vô minh khiến chúng sanh thọ khổ nhiều kiếp lâu xa, bất cứ cái gì liên tiếp phát khởi trong vòng vô minh điên đảo thì vẫn còn đòi hỏi đáng khiếp sợ, người tu hành học Phật thì không nên thờ ơ để phòng vấn đề này.

Quá trình khi chúng sanh cảm ứng pháp giới đi đâu sanh cũng không thể nghĩ lường, chỉ có phương pháp của Phật Đà đã từng lãnh hội khả năng cuối cùng của con người và ngài đã công bố với các đệ tử đại khái về sự cảm ứng của nghiệp lực. Ngài nói rằng con người khi thọ sanh thân Trung Ám nhân bị nghiệp lực hơn kém cao thấp mà thấy đến những cảnh giới bất đồng. Khi họ sanh ra làm thân người nữ thì theo cha mà chống lại mẹ và nếu như làm thân người nam thì thích mẹ hơn mà ghét lại cha. Lại nữa nhân phước đức nhiều ít họ lại thấy những sự vật kiến trúc không giống nhau. Trong chốc lát họ chỉ thấy mưa to gió lớn, như khói như sương, chừng đó mới lo tránh né vọng tưởng. Nếu như phước lớn họ tự nhiên lên núp lầu các, vào cung điện, hoặc ngồi trên giường, còn phước ít hơn họ vào thảo am, lỗ vách tường, hoặc ở dưới tàng cây..v..v...., tức thì họ nhập thai liền. Những hiện tượng trên đều là nghiệp lực trong Thức thứ tám tạo thành, lúc đó con người không có may mắn sức mạnh tự kèm chế, những việc không may này nguyên nhân sai lầm là ở sanh tiền thường quấy rối những người tốt khiến họ bị luân hồi mà nghĩ mình lại tự nhiên không có khổ báo. Những kẻ xấu ác như thế nếu như không bị khổ báo luân hồi là khi nào Thức đã bị tiêu diệt. Đức Phật nói: “Thức bị diệt thì không còn sanh” đây là pháp cứu cánh vậy.

CHƯƠNG IV

LỌC SẠCH NHÂN TÂM LÀ THEN CHÓT

Nghiệp lực của chúng sanh giống như chất keo tợ như nước sơn trói buộc tâm của họ, tất nhiên cần phải trục xuất dần dần một cách là bắt tâm họ lọc sạch trở lại, được như thế trí tuệ mới có thể phục hồi nguyên thể. Giống như những tài liệu được tích trữ trong hệ thống điện não cũng phải cần chỉnh lý thì mới sử dụng được. Một bộ phận điện não đã hoàn thiện thì có thể có rất nhiều thiết bị mềm thích hợp các thứ tình hình mà trong mỗi thiết bị mềm đều có hệ thống tài liệu của riêng phần mình không giống nhau, nhằm để sử dụng cho mỗi thứ vấn đề và tình hình. Cho nên mỗi thứ hệ thống liền có thể chuyển đổi được ngay. Nghiệp lực

trong tâm Thức của chúng sanh cũng có thể cải biến được, nhưng vấn đề cải biến có hai cách:

Thứ nhất, chúng sanh trước hết cần phải biết đạo lý và cùng tin tưởng nghiệp lực có thể cải biến. Thứ hai, chúng sanh cần phải biết đạo lý cải biến thế nào để có thể đạt đến thành quả viên mãn. Hai vấn đề này đúng là then chốt chủ yếu của việc lọc sạch nhân tâm.

Chúng sanh sở dĩ không biết được Phật pháp, không gặp được đức Như Lai là do bởi chấp thường, chấp pháp và chấp ngã gây nên. Lý do bởi những vật chất chỗ thấy của thế gian đều cho là thật có. Hơn nữa vô minh điên đảo ở phương diện này lại thêm sâu, cho nên đối với tánh nhạy cảm đặc biệt các thứ khổ não của nhân sanh, gặp được thuận cảnh thì cao hứng đắc ý hí hửng, nếu như va chạm đến nghịch cảnh thì trở nên mủi phần chán nản hết mủi. Còn đối với bệnh khổ, sanh ly, tử biệt, cũng bị cảm thọ các thứ tâm lý trên. Bởi vì không rõ nguyên nhân của nó cho nên thường bị cảm thọ thất vọng. Con người sanh hoạt như thế đây thông thường chỉ chuyên chú vào nơi sanh hoạt trước mắt, chỉ quan tâm gia đình, nỗ lực nơi trên sự nghiệp, đối với phương diện vui chơi giải trí phần nhiều đều có nghiên cứu đến, lại còn phát triển các thứ ham thích, nhằm để giết thì giờ. Nhưng một khi gặp thời vận khó khăn thì bị mủi phần khổ não hết mủi, ưỡn ngực mà chạy trốn hiểm nguy, thông đồng kẻ địch bán nước, khoác lác bỏ đờ tôn sùng nịnh hót, thấy đều cho là hợp lý cả. Ngoài đây ra họ lại thường oán trách xã hội gia đình, bao gồm cả cảm giận thói đời đố kỵ thế tục. Cá tánh tương đối đần độn thì lại sẽ mượn có uống rượu tiêu sầu, cô độc ít được vui vẻ, cho đến tự chọn lấy ý kiến nông cạn. Còn tánh tương đối thông minh thì có nhiều phương kế dự định, phát khởi đúng với tâm địa, bỏ chạy không yêu tiếc công nghiệp đã để dành, ôi chao đi trộm cắp thực kết lừa dối, không hổ không thẹn, lại bảo rằng do xã hội bức ép họ biến thành. Tình trạng đi xuống thấp như thế thì nguyên nhân khổ não lại càng nặng thêm lên, kiếp sau bị quả báo bần cùng lại càng thêm sâu, khác nào như uống rượu độc để giải khát vậy.

Riêng một loại chúng sanh hiểu biết rất sâu cảm nhận được rằng nhân sanh tràn ngập khổ não nên bằng mọi cách tìm cầu biện pháp để giải thoát. Nhưng vì không biết vạn pháp do bởi Duy Thức, cho nên nhiều việc họ chỉ biết căn cứ vào sự đối chiếu giả ngã của Thức thứ bảy để quyết định chọn lấy hay loại bỏ, ngay lúc đó liền phát sanh các thứ kiến chấp. Con người được thấy thường nhất họ cho rằng chỉ cần sáng suốt thì giữ được mình, cho nên mọi việc đều dựa theo lương tri để thực hành, hễ tâm được an thì đạt được lý, làm người như thế cũng cảm thấy an lạc. Nhưng thế sự luôn luôn thay đổi, mặc dù lúc bình thường đối xử với mọi người hoà thuận như thế nào đi nữa, đem thiện tâm giúp đỡ mọi người bao nhiêu, tai hoạ

và khổ nạn vẫn cứ giáng xuống lên đời sống của họ như thường. Lúc ấy con người nếu như không rõ lý nhân quả sẽ phát sanh khổ não vô cùng, rồi tự phiên trách rằng mình đã suốt đời hết lòng ngay thẳng theo lẽ không nên gặp những cảnh ngộ như thế này. Sự kiện thí dụ đây thường được thấy đến. Có thể thấy con người chỉ dựa vào lương tri của riêng cá nhân mình để thực hành thì không thể nào giải thoát được tai họa của khổ não.

Có một số người hiểu rõ nhân sanh nhiều biến đổi không kể ngoài lương tri của chính mình nên cần phải có triết học đến để giúp đỡ mới hy vọng được giảm nhẹ. Cho nên những hạng người này phần nhiều nghiên cứu sách vở của thánh hiền, phân tích ngôn luận nghệ thuật văn học đối với nhân sanh của các nhà triết học và văn học cổ kim trên thế giới..v..v.... mong đặng tinh thần của mình có lập trường, có nguyên tắc để được một mặt kiên cố. Ở vào cảnh ngộ khổ nạn này họ cũng cần phải hiểu rõ để nhận chịu. Con người như thế ở trong thế gian rất đáng quý trọng, đối với hạng này có thể là thầy của ta. Nhưng dù cho những người này được nói đến, cúi đầu nhẩn nhục làm được đến đâu đi nữa, cái khổ vẫn có kẻ hờ hững tồn tại, vẫn phải chịu đựng, không được giải thoát, mà nhân sanh bị uy hiếp vô cùng to lớn: một khi chết chóc đã đến hoàn toàn không có phương pháp ứng phó, mất thấy thân nhân thống khổ cũng không thể làm sao được.

Lại nữa có một hạng người tâm địa hiền lương, cũng đọc sách thánh hiền, nhưng không thể thăm dò tinh thần sâu xa của vũ trụ, liền suy nghĩ vũ trụ phải có chủ tể, như đó họ nghiên cứu đến những giáo lý của Thần Đạo, hoặc quy thuận theo Tông Giáo để cầu xin một việc là hiểu rõ vấn đề sanh tử. Những hạng người này không luận tín ngưỡng tông giáo Nhất Thần¹ hoặc phụng sự tông giáo Đa Thần² tất cả đều cho là tốt cả, nói chung lại họ tin tưởng vị Thần làm chủ tể, hết mình hầu hạ cung phụng vị Thần đó và phương pháp tu hành của Thần là quy tắc phải phục tùng theo những gì quyết định của Thần ban xuống để hành sự, cho đến quy tắc của Thần để trao truyền giúp đỡ người đời như thế nào thì các tôn giáo lại có truyền thuyết hoặc ghi chép không giống nhau, nhưng nói chung không ngoài ở chỗ theo sự hiển hiện, tiên tri bằng miệng của Thần, hoặc phù trợ bằng sự bói số khiến họ lãnh thọ theo sự chỉ bảo. Giống như giáo thuyết Hoa Nghiêm, chỗ giảng giải và chỗ thật hành của các Thần Giáo ở trong thế gian đều có một mặt sự thật của nó, nguyên vì tâm thức của chúng sanh cứ nhớ mãi liền trở thành thứ nguyên nhân và sẽ sanh cảm ứng trong đời vị lai hiện thành sự thật, để rồi từ đó làm nhân

¹ **Nhất thần giáo**: một thượng đế hay một đấng tạo hóa – như Do Thái giáo, Ki Tô giáo, Hồi giáo,...

² **Đa thần giáo**: nhiều thượng đế hay nhiều đấng tạo hóa – như Ấn Độ giáo (Brama, Shiva, Vishnu)

cho quá khứ, thế nên Kinh nói rằng: “Mười pháp giới đều từ một niệm sanh³” chính là thứ đạo lý này.

Thuở xưa có một tiên nhơn sống ở thâm sơn để tu hành, chứng được định lực cao thâm. Một ngày nọ Quốc Vương đi dạo trong núi tình cờ gặp được tiên nhơn này và vô cùng cảm mến, liền cung thỉnh vị tiên nhơn nói trên vào cung để cúng dường. Vị tiên nhơn ấy khi đến cung vua được cung nữ nghinh tiếp đánh lễ bằng cách đầu mặt và hai tay đặt lên trên hai chân của vị tiên nhơn để tỏ lòng cung kính, hai tay cung nữ mềm mại khiến cho vị tiên nhơn kia xúc động, không nhịn được liền khởi tà niệm, từ đó tiên thuật của ông không phải Phật pháp nên không thể phát khởi chánh định. Ngay lập tức định lực liền mất, vị tiên nhơn đứng dậy rời khỏi cung vua đi thẳng vào trong rừng sâu để phục hồi định lực của tiên thuật, nhưng rốt cuộc không thể thiền định trở lại như xưa. Trong khi vị tiên nhơn ngồi thiền, chim chóc bay đến kêu hót líu lo khiến ông không định được liền cảm thấy hết sức phiền não, tâm ông mắng chửi, sanh ra thứ ác nhơn thề rằng sẽ giết hết các chim trong rừng. Sau đó ông dời qua bờ sông để tu định, nhưng con ba ba thường nhiều loạn trong lúc ông đang tu luyện kiểm tra nội tâm, tâm ông khởi lên phiền não, lại phát khởi ý niệm sẽ diệt hết loại con ba ba này, do những ác tâm nói trên ông sẽ chiêu cảm quả khổ ở đời vị lai. Sau đó ông rốt cuộc chứng được Thiên Vô Tướng, sau khi chết được sanh lên cõi trời Vô Tướng để hưởng phước lạc. Nhưng Phước lạc ở cõi trời Vô Tướng đã hết, tự thân của ông cũng chấm dứt theo và sau khi cõi trời Vô Tướng diệt, ông tiếp theo đó bị luân hồi thọ khổ, nguyên vì kiếp trước đã có phát thề giết chim và giết cá, cho nên bị sanh làm con chồn biết bay biết lội, chuyên ăn thịt con cá dưới nước và con chim bay trên không. Từ đó về sau ông bị hạt giống nghiệp sát càng sâu, luân hồi mãi trong ba đường ác không bao giờ dứt. Những sự kiên trên cho chúng ta biết rằng lúc đương thời mình phát nguyện điều gì không thể không cẩn thận. Tín đồ Phật Giáo mỗi khi phát nguyện, nhớ mãi không quên những điều độ chúng sanh, đoạn phiền não, học pháp môn và để thành Phật đạo. Những điều phát nguyện này tương lai nhất định sẽ có cảm ứng. Tất cả niệm đều phải là tịnh niệm, không thể ô nhiễm tạo loạn, nếu không được như thế quả báo tương lai sẽ sanh ra những việc vụn vặt. Tín đồ Phật Giáo phải chuyên chú tịnh nghiệp, mặc dù là Phật sự phải tận lực mà làm cho được tốt. Sức lực tuy có mà không gặp thời thì không thể nắm lấy, mặc dù cố gắng hành sự rốt cuộc rồi cũng gặt hái những thất bại không toại nguyện. Có một số người chọn lấy độ chúng sanh làm nghề nghiệp, có nhiều phương cách tham cầu danh lợi, vô tình tạo kẻ hở đi ngược lại Phật Pháp mà không hay biết, khiến cho người đời nhạo báng cười chê. Những hạng hộ pháp như thế đã không kết quả gì mà ngược

³ **Vô thần giáo:** không thượng đế hay không đấng tạo hóa – như Phật giáo, Kỳ Na giáo, Lão giáo,...*mặc dù có nhiều thần thánh...(như Đạo Phật (duy tâm vô thần) có các cõi: Phật, Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn, trời, người, a tu la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục.)*

lại càng thêm hủy hoại Phật Pháp, hoàn toàn chướng ngại con đường thành đạo. Người hoằng pháp dù sao cũng không thể xem thường việc đó. Lại nữa tiếp theo có phong trào hoằng pháp đấu tranh, nguyên vì họ không biết tinh thần Tăng Già, đi phá hoại hợp Tăng, cứ như thế một thời khoe khoang vui thích, cũng là hạng bất trị rồi sẽ bị chiêu cảm khổ báo nơi địa ngục. Con người hoằng pháp hiện nay cũng thật là thực tế, đối với những người có tiền của và thế lực đều rất hoan hỷ và cố tình nắm bắt để cầu công việc cho được thuận lợi. Hành động của họ như thế thật ra không đáng trách lắm, chỉ là tâm lý của những hạng này phát triển đi xuống thấp, biến thành những kẻ nịnh hót bợ đỡ. Điều đáng nói đến có hạng người đối với những kẻ không có tiền của và thế lực hoặc đối với mình không chút lợi ích thì không thèm chú ý đến. Thái độ như thế của họ hoàn toàn trái ngược lại với ý nguyện độ chúng sanh và cũng khiến cho chúng sanh sợ họ không dám thân cận. Ở hiện nay trong phạm vi hoằng pháp, có một số nhân sĩ chọn Phật Giáo làm công tác, thường hay sơ xuất một vấn đề là hằng ngày không nhớ và cũng không chịu tiếp xúc các Phật Tử mà những hạng này đều là tín đồ Phật Giáo, và họ trên các Phật sự đã hết lòng phụng thờ, tán thán và cúng dường. Dần dần những kẻ hoằng pháp xuất gia hoặc tại gia nói trên không chịu ly khai phạm vi hạn hẹp này, suốt ngày chỉ đam mê hưởng thụ sự cúng dường. Họ đã đi xuống như thế lại còn sợ bên ngoài không chịu tiếp xúc, không chịu tiếp nhận ý kiến đóng góp của kẻ khác, hết sức đáng thương! Người độ chúng sanh lẽ tất nhiên có nhiều cách hành sự, nhưng không phải thế cho dù không được “đồng người”, nghĩa là không nên chỉ chú ý bám vào những kẻ quyền thế, chỉ kết giao với những kẻ giàu có, còn đối với những người thương mại nhỏ và hạng cùng đinh thì xem thường, tại sao có sự phân biệt như thế? Lại còn có sự thay đổi khác nữa là đối với những người tu hành thanh tịnh kia có thể phản ảnh khác hơn sự tham lam của họ. Cho nên họ báo trước tổ chức hoằng pháp cho thật lớn để che đậy và có lúc tha hồ thêm vào đó sự phá hoại. Như tín đồ Phật Giáo không có cảnh giác về phương diện này thì lẽ tất nhiên tiếp tục phổ biến lan rộng ra thứ Phật Giáo chỉ chú trọng hình thức bên ngoài, thứ Phật Giáo pha trộn giống nhau tất cả pháp thế gian, đối với chúng sanh tỉnh giác càng thật thà mà nói, không có một tí ý nghĩa nào cả.

Then chốt tịnh hoá nhân tâm là ở chỗ chuyển nghiệp. Khi nhận thức đến nghiệp, rất nhiều người chỉ tưởng đến nơi chốn xa xăm nào đó cho là “Hư vọng”, nói chân thật chính là “Nghiệp”, khiến người nghe đến mò mẫm không thấy được đầu não của nó, chỉ đành phải người ta nói sao thì nói theo như vậy, thậm chí nghe nhầm đồn bậy, nói nghiệp là thuộc đời trước, còn ngày nay thì không thấy được nó..v..v.... Tư tưởng trên đây sao lại có thể là chân Phật Pháp, phải biết rằng Phật Pháp là từ nơi sinh hoạt khiến người tỉnh giác được, nghiệp có thể tìm đến ở nơi tự thân. Con người gồm có năm giác quan, hai tay hai chân, ngoài thân thể ra còn có

tạng phủ ở bên trong, không một pháp nào là không biểu hiện của nghiệp cả. Tâm lý của chúng sanh như 51 Tâm Pháp..v..v.... tất cả đều là nghiệp lực tạo nên cả. Vui lại cười, buồn lại khóc, đói lo ăn, khát cần uống, mệt mỗi liền ngủ, không một pháp nào là không bị trói buộc của nghiệp. Bàn bạc đến nghiệp lực, hiểu rõ được nghiệp lực thì cần gì phải làm một công việc suy đoán đến huyền hư của nó? Nhận thức được nghiệp, biết được tánh không của nó, tức là biết được bản lai diện mục của nó, vậy cuối cùng tiến hành tịnh hoá nghiệp lực thì cũng đã nắm vững được nó rồi.

Chuyển nghiệp ô nhiễm thành nghiệp thanh tịnh là pháp môn nghiên cứu trọng yếu. Có một số người cho rằng làm việc lành có thể được quả báo lành chính là phương pháp chuyển nghiệp tốt nhất. Người không biết đạo mong cầu như thế chỉ là lấy một thứ pháp không cứu cánh khác thay thế bỏ đi pháp không cứu cánh của ban sơ mà thôi. Người cầu sanh phước báo đạo trời cũng là giống nhau, mặc dù được sanh lên cõi trời cũng phải trải qua công phu tu hành của một thứ thông lọng, nhưng dù là ở cõi trời cũng giống nhau với các pháp giới khác, nghĩa là cũng sẽ bị nhận lấy sự đoạn diệt như nhau, cho nên không đam mê thế sự tu theo pháp không thể thành của đạo trời, nghiệp lực trước sau vẫn tăng trưởng trong phạm vi ở nơi ô nhiễm. Phương pháp duy nhất của sự chuyển nghiệp chính là Phật Pháp, nguyên vì Phật Pháp chỉ bày con người sử dụng lý không, khiến con người không chấp trước bất cứ hình tướng nào, chọn lấy lý không đây để hành sự thì nghiệp mới có thể được thanh tịnh. Nhờ sử dụng tịnh nghiệp cho nên mới được sanh lên cõi tịnh. Nghiệp sau khi được chấm dứt thì bốn trí liền phát sanh và chứng nhập được Niết Bàn Vô Trụ. Sử dụng nhân duyên này thị hiện trong mười phương, hoá độ những kẻ hữu duyên, lời phát nguyện của đời trước đã được viên mãn thì lúc đó diệu lạc phát sanh lập tức. Cảnh giới như thế thì tất cả các pháp thế gian không thể nào so sánh được.

CHƯƠNG V

TRÌNH BÀY SƠ LƯỢC CÁC TÔNG PHÁI VÀ

PHÁP BẢO CỦA THỜI ĐẠI MẠT PHÁP ----- NIỆM PHẬT

Trên đời phương pháp tu hành thì rất nhiều, đạo đức học thuật của xã hội nhơn gian nhân tánh một thời đều bị giới hạn trong cái lòng, chỉ một phương diện đối với vấn đề cứu cánh của sanh tử thì hoàn toàn không có tác dụng chút nào. Các thứ tôn giáo thờ Thần đều chọn lấy phước trời làm mục tiêu tối hậu, nhưng Thiên đạo thì không cứu cánh, liên tục ở trong sáu cõi phàm không được giải thoát, kiếp số dài lâu về sau cũng vẫn bị luân hồi. Còn Thiên Chủ của các cõi trời cũng đều bị quy định giới hạn của nhân quả, không những không thể tiến hành bảo hộ thích

hợp cho những chúng sanh tôn sùng mình, còn liên hệ đến Thiên quốc và sanh mạng của bản thân khi đến kỳ hạn tận số cũng bảo đảm không còn tồn tại. Cho nên các pháp tu không luận của con người hoặc của trời nương tựa cũng đều không được tồn tại.

Phật Pháp lấy nhân quả làm nền tảng cốt yếu, chọn duyên sanh làm điều kiện thành lập hiện tượng, chỉ bày cho chúng sanh các thứ đạo lý giải thoát. Các pháp đều do nhân duyên mà sanh thành, các pháp bởi do nhân duyên mà hoại diệt. Hoà hợp thì sanh, ly tán thì diệt, không có bất cứ thế lực nào có thể cản ngăn được. Ngoại đạo bàn luận “Toàn Năng”, là do không biết được sự tác dụng của nhân duyên. Pháp của Phật trao truyền cũng có nhiều thứ, phương tiện cho nhiều căn cơ của con người. Người tu hành có thể ngồi thiền, hoặc trì chú, hoặc trì giới luật, hoặc nghiên cứu lý không, hoặc đoạn trừ kiến hoặc, hoặc niệm Phật cầu sanh Tây phương. Bất cứ pháp môn nào cũng có thể khiến con người giải thoát khổ não sanh tử. Chỉ vì hiện tại là thời đại mạt pháp, căn cơ của chúng sanh khác nhau là căn cứ nơi phương sở nào? Nên chọn lựa một pháp môn đó thì mới bảo đảm không sai lầm! Đây là một vấn đề rất trọng yếu.

Đầu tiên đề cập đến tu pháp môn Thiền Tông. Tông phái này có hai thứ tiệm ngộ và đốn ngộ. Người tu tập ngoại trừ ngồi thiền, lại còn hành trì các thứ giới luật, nên phải xuất gia tu hành, nếu tại gia cư sĩ thì khó bề tu tập. Tiệm ngộ là cốt yếu phải trải qua thời gian dài tu trì, nghiên cứu đọc tụng kinh văn trọn suốt một ngày, hốt nhiên đại ngộ, xem thấu thiên cơ. Đốn ngộ thì hoàn toàn dựa vào căn cơ, không lập văn tự, không còn nghi thức, một khi gặp được cơ duyên liền đột nhiên tỉnh ngộ, vượt qua cõi phàm nhập vào cõi thánh ngay trong thời gian thiền chỉ. Nhưng thiền tập không luận tu tiệm hay tu đốn đều cũng tốt cả, chỉ cần có lợi căn thì mới có thể thành tựu được. Thời đại chánh pháp là khi Phật còn tại thế và các đệ tử của Phật đa phần đầy đủ lợi căn, bao gồm cả phước và huệ, cho nên rất nhiều vị đều hơn một câu nói chuyện của Phật mà được chứng quả vị. Phật nhập Niết Bàn trở về sau khoảng một ngàn năm là thời đại tượng pháp, ngay ở nước ta người có lợi căn cũng chẳng ít, nên việc tham thiền thành đạo cũng có kẻ tiệm ngộ hay đốn ngộ đều được ghi chép tra cứu. Đốn ngộ thành đạo chẳng ai bằng đại sư Huệ Năng tổ thứ sáu của Thiền Tông, chỉ nghe xong một câu: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” trong kinh Kim Cang liền bỗng nhiên đại ngộ. Hiện tại là thời đại mạt pháp, chúng sanh bị nghiệp trói buộc, nên phước đức không sánh bằng tiền nhân, tu thiền lại phần nhiều chỉ thực tập theo pháp thế gian thành tính toạ vận khí, trong ngàn vạn người, ngộ đạo chỉ đạt được một hai người. Huống hồ tham thiền mà không hiểu rõ Phật pháp, lại còn gặp phải tà định, ly khai chánh huệ, ngày càng hoàn toàn xa xôi. Cho nên Thiền Tông ở trong thời đại hiện tại thì thật khó hành đạo.

Thứ đến bàn về Thiên Thai Tông. Tu tập tông phái này bản thân đối với học vấn cần phải có hứng thú nghiên cứu, đây là một thứ học tập. Nguyên vì tông này lấy kinh Diệu Pháp Liên Hoa làm nơi y chỉ, lấy luận Đại Trí Độ làm kim chỉ nam, lấy kinh Đại Niết Bàn làm nơi trợ giúp cho việc chú thích, lấy kinh Đại Phẩm Bát Nhã làm căn bản cho việc quán tâm, dẫn các kinh để lấy thất tướng các pháp làm trung tâm. Có chỗ gọi các pháp là như thị tướng, như thị tánh, như thị thể, như thị lực, như thị tác, như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như có thật tướng các pháp của cứu cánh bốn mặt..v..v.... thì chỉ học vấn một môn cũng rất huyền diệu. Thêm nữa tông này lấy năm thời tám giáo để phê phán và giải thích thời đại Thánh Giáo. Năm Thời tức là thời Hoa Nghiêm, thời Lộc dã, thời Phương Đẳng, thời Bát Nhã, thời Pháp Hoa, thời Niết Bàn. Tám Giáo tức là Đôn Giáo, Tiệm Giáo, Mật Giáo, Bất Định Giáo, Tạng Giáo, Thông Giáo, Biệt Giáo, Viên Giáo. Hiện đại con người phần nhiều bận rộn nhàm chán, rất ít có người hứng thú học vấn, cho nên cần phải chuyên chú tông này xem như của quý hiếm có vậy.

Thêm nữa nói đến Hoa Nghiêm Tông, lại có tên nữa là Pháp Giới Tông, Tông này nương nơi kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm bàn về pháp giới duyên khởi, sự sự vô ngại làm yếu chỉ, chuyên luận về pháp Tứ Pháp Giới, Thập Huyền Môn, Lục Tướng Huyền Dung..v..v.... Giáo nghĩa của Tông này cùng với Thiên Thai Tông chung nhau xưng là tinh hoa của Phật Giáo Trung Quốc, do vì có thể thấy được chỗ thâm áo của nó. Sự tu tập của Tông này không khác nhau với Thiên Thai Tông, nhất định phải là học giả kiêm cả Triết Học Gia thì mới có thể thành đạt được. Cho nên con người của thời đại ngày nay phần nhiều chú trọng về khoa học kỹ thuật và thương gia mà xem đến thì e ngại rằng chỉ có thể làm sáng tỏ bề ngoài giáo nghĩa của Kinh này mà thôi.

Ngoài đây lại có Pháp Tướng Tông, hoặc gọi là Duy Thức Tông, Tông này cứ nơi đạo lý của Duy Thức giải thích rõ về vạn pháp duy thức, cũng tức là yếu chỉ của quyển sách này. Người học tông phái này nhất định phải là nhà triết học nghiên cứu kiêm cả khoa học tri thức thì mới có thể lý giải và chú thích kinh luận đây. Nhiều người hiện nay đã đem Duy Thức tu bỏ lại để giải rõ thể tánh và tướng trạng của các pháp. Trong khoá trình triết học của Đại Học Lý, thỉnh thoảng mở khoa thi Duy Thức này, nhưng vì người học khoá này không phải hiểu rõ Phật Pháp tất cả chỗ, chỉ là tham luận phiên diện, đều không thể hiểu thật sự đạo lý và sự tác dụng của “Thức”.

Còn một vấn đề trọng yếu nữa là Mật Tông, tức là Mật Giáo Du Đà, tông này nương nơi Chú Ngữ để hành trì, tức là tu Chơn Ngôn, chọn lấy kỳ hạn Tức Thân Thành Đạo, cho nên cũng gọi là Chơn Ngôn Tông. Người tu môn này phải cần có cơ duyên mới có thể ngộ được Kim Cang Thượng Sư và được họ trao truyền Mật

Chú. Đây là cùng với duyên phận đời trước có quan hệ, không thể cưỡng cầu được, nếu như không phải thế mà cho dù học được chú ngữ thì cũng niệm không hiện ra công hiệu lại phí công thêm mất thời gian.

Sau cùng pháp môn cần nói đến chính là Tịnh Độ Tông. Rất nhiều người hiểu lầm một pháp môn phương tiện này cho là trong nó không có học vấn, chỉ dành cho người già cả, phụ nữ và trẻ em tu tập mà thôi. Họ không biết rằng đức Phật Thích Ca sử dụng tâm từ bi của ngài không cần ai hỏi mà chính ngài tự giảng giải, phương tiện cho người tu hành trong thời đại mạt pháp, để được giải thoát sanh tử khổ hải, chính là pháp trong dễ hành đạo không thể so sánh. Chủ yếu của pháp môn này là chấp hành trì tụng danh hiệu Phật A Di Đà, khi lâm chung mặc dù chỉ hành trì được mười niệm, cũng được Phật đến nghinh đón, vãng sanh về nước Tây Phương Cực Lạc. Pháp môn giản tiện này, kẻ lợi căn và người độn căn đều được thu nhận đầy đủ, không luận kẻ trong sạch hay người ô nhiễm, không phân biệt kẻ nam giới hay nữ giới đều có thể thành công. Trong thời đại mạt pháp, kẻ tu pháp môn Tịnh Độ, vạn ức người tu chỉ một hai người không thành đạt, có thể thấy sự công hiệu to lớn của nó. Tây phương Tịnh Độ là nơi của các thượng thiện nhơn câu hội, cho nên người niệm Phật bao gồm không phải là niệm trong miệng mới có thể vãng sanh. Có chỗ gọi “Đối nghiệp vãng sanh” mà không phải là “Đối tội vãng sanh”. Nghiệp là chỗ tạo tác của đời trước, chúng sanh bị nghiệp trói buộc mà không được giải thoát, vì thế mới có khổ của sanh lão bệnh tử. Ngày nay theo kinh sách Di Đà Đại Nguyên, người tu không cần phải giải trừ nghiệp trói buộc để được sanh Tây Phương, pháp tu này nếu so với các pháp môn khác thì không giống nhau, nguyên vì các pháp môn khác nhất định trước phải giải trừ nghiệp trói buộc rồi sau đó mới có thể sanh Tịnh Độ. Tội thì không giống nhau, vì nó khiến con người bất an, hổ thẹn và thống khổ, quyết định phải chịu quả báo, hơn nữa phải hiểu rõ lý không thì mới được thành tựu, đây là thuộc về vấn đề của tâm lý. Người niệm Phật trước hết cần phải hiểu rõ đạo lý của vạn pháp duy Thức, trong Thức hoá hiện Tịnh Độ thì mới có thể vãng sanh. Cho nên pháp tu Tịnh Độ tất nhiên trước phải khiến Thức không còn ô nhiễm, chính là một bộ phận công phu rất thích ứng với huyền diệu. Nếu như chọn ngày điên đảo vọng tính, vì lợi làm bậy, hoặc ham mê các pháp đẹp của thế gian, các thứ hý luận, niệm Phật nhất định không thành. Thế nên niệm Phật phải sử dụng Lục Ba La Mật Đa làm đường thẳng, Ngũ Giới và Thập Thiện làm đường ngang, cần phải cầu thanh tịnh trong Thức, Tịnh Độ tự hiện, tùy duyên vãng sanh. Và lại niệm Phật không chỉ riêng trông cậy vào miệng niệm, cũng phải tưởng nhớ công đức trang nghiêm của Phật, như con nhớ mẹ, phạm sự việc nào cũng phải lấy Thánh pháp làm chuẩn. Lâu ngày tự nhiên đặng chánh định, đây gọi là Niệm Phật Tam Muội. Thông thường ra tay công phu, bao gồm cả đọc tụng Kinh văn, quán tưởng xem xét, lễ bái cung kính, xưng Hồng Danh của Phật và tán thán cúng dường. Trong đó cho xưng danh chính là định

nghiệp ngoài nó ra là trợ nghiệp. Nguyên vì trong sự sanh hoạt bận rộn của thời đại hiện tại này, pháp môn tu niệm Phật là rất chắc chắn. Một người tu pháp môn Tịnh Độ, ngoài niệm Phật ra có thể không nên tu pháp môn khác. Như tham khảo kinh văn khác thì chỉ là một thứ tăng gia tri thức để phương tiện cho việc hoằng pháp mà thôi.

KẾT LUẬN:

PHƯƠNG PHÁP ĐỐI PHÓ THỨC THỨ BẢY

Các chủng tử nghiệp lực vô lượng điên đảo vọng tưởng của con người đã được thâm chứa và canh giữ trong Thức thứ tám, mà Thức thứ bảy cho những nghiệp lực giả tưởng đó là ngã, thâm căn cố đế gây họa không nhẹ. Nguyên vì sáu Thức trước của Thức thứ bảy gồm có Nhân Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức và Ý Thức vọng tính phát khởi, khiến Tâm nhận lấy những cảnh chuyển biến liên sanh cảm thọ, phiền não từ đó nối nhau. Cho nên người tu hành học Phật, đầu tiên cần phải biết rõ sự hư vọng của Thức thứ bảy, đem nó đánh đổ thì sáu Thức trước tự nhiên cải biến phương thức phản ứng của nó. Nhưng sự ngoan cố của Thức thứ bảy khiến con người không biết như thế nào mới có thể nắm được hướng đi của nó. Rất nhiều người nhân đây mà lãng phí mấy mươi năm, thậm chí có thể suốt cả một đời, chẳng thể nói không khiến tâm người kinh sợ, nhân vì một đời khi kết liễu mà không tìm ra manh mối thì khiến bị luân hồi. Cần yếu đích thân đối với vấn đề này, nếu cùng nó mong cầu bắt tay cân nhắc sự huyền hư của Thức thứ bảy, không bằng ở nơi nó bày tỏ công năng mà lại thật tại có thể biết có thể thấy nơi bắt tay của sáu Thức trước. Tức là quán sát công năng của nó mà nhận định được xu hướng và chỗ ở của nó. Nghĩa là Nhân Thức ưa chỗ nào, ghét chỗ nào tức là Thức thứ bảy phản ảnh ở nơi phương diện đó. Đối phó sự phán đoán ở nơi phương diện này của Nhân Thức tức là đối phó sự giả lập của Thức thứ bảy. Do đây suy rộng ra, như có thể nắm giữ được sự riêng biệt của các thức Thứ như Nhân, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý, cộng thêm rèn luyện, khiến công năng giả ngã của Thức thứ bảy không thể thuận tiện tồn tại trong Thức thứ tám, điên đảo tự nhiên dần dần bị sửa chữa, lúc đó tức là Thức thứ bảy hoàn toàn bị đánh đổ, đây là biện pháp giải quyết tận gốc, hy vọng con người phát nguyện tu hành chẳng còn trở ngại phương pháp thí nghiệm này, công hiệu của nó là ý tưởng không còn tái diễn nữa.

Tác phẩm này dịch từ quyển sách:
DUY THỨC VỚI MÁY TÍNH ĐIỆN TỬ
Phật Pháp Ứng Dụng Tông Thư 3

Tác giả: Trương Thông Văn

Nhà xuất bản: Hoa Tạng Phật Giáo Hội

Nhà Phát Hành: HUA TS'ANG BUDDHIST SOCIETY